

**Phụ lục 01**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Tờ trình số: 92 /TTr-UBND, ngày 12 /12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024				Tăng so với tỉnh giao	Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao				
			Tổng số	Trong đó			
				Phân bổ chi tiết đợt này	Chưa phân bổ chi tiết		
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>39.521</b>	<b>55.713</b>	<b>40.011</b>	<b>15.702</b>	<b>16.192</b>	
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	<b>38.021</b>	<b>52.373</b>	<b>36.671</b>	<b>15.702</b>	<b>14.352</b>	<b>Phụ lục 02</b>
<b>1</b>	<b>Nguồn cân đối ngân sách huyện</b>	<b>19.071</b>	<b>33.423</b>	<b>19.071</b>	<b>14.352</b>	<b>14.352</b>	
a	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	7.371	7.371	7.371		-	
b	Nguồn thu tiền sử dụng đất	11.700	26.052	11.700	14.352	14.352	
-	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất theo mức vốn cân đối tỉnh giao</i>		<i>11.700</i>	<i>11.700</i>	<i>-</i>		
+	Phân cấp quản lý đất đai		1.170	1.170			
+	Bố trí thực hiện dự án		10.530	10.530			
-	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất huyện giao tăng thêm (chi theo tiến độ thu)</i>		<i>14.352</i>		<i>14.352</i>	<i>14.352</i>	<b>(*)</b>
<b>2</b>	<b>Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu</b>	<b>18.950</b>	<b>18.950</b>	<b>17.600</b>	<b>1.350</b>		
a	Hỗ trợ có mục tiêu phát triển hạ tầng cụm công nghiệp	7.000	7.000	7.000		-	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024				Tăng so với tỉnh giao	Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao				
			Tổng số	Trong đó			
				Phân bổ chi tiết đợt này	Chưa phân bổ chi tiết		
b	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện chương trình nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư giáo dục)	2.000	2.000	2.000		-	
c	Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách của địa phương	2.500	2.500	2.500		-	
d	Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu thực hiện quản lý đất đai	6.100	6.100	6.100		-	
e	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	1.350	1.350		1.350	-	
<b>II</b>	<b>PHÂN CẤP CÁC XÃ, THỊ TRẤN</b>	<b>1.500</b>	<b>3.340</b>	<b>3.340</b>		<b>1.840</b>	<b>Phụ lục 03</b>

**Ghi chú:**

(\*) Chi đầu tư từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất so với dự toán tỉnh giao và phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà nước

**Phụ lục 02**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Tờ trình số: 92 /TTr-UBND, ngày 12 /12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2024				Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>211.451</b>	<b>90.218</b>	<b>149.660</b>	<b>98.115</b>	<b>40.162</b>	<b>36.621</b>	<b>36.621</b>	-	-	-		
<b>I</b>	<b>VỐN PHÂN CẤP CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ</b>					<b>28.568</b>	<b>28.568</b>	<b>26.300</b>	<b>19.505</b>	<b>7.405</b>	<b>7.371</b>	<b>7.371</b>					
<b>(1)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp sang năm 2024 thực hiện</b>					<b>28.568</b>	<b>28.568</b>	<b>26.300</b>	<b>19.505</b>	<b>7.405</b>	<b>7.371</b>	<b>7.371</b>					
1	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2023-2024	709-31/12/2021	14.991	14.991	13.000	10.000	5.405	3.000	3.000					
2	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2023-2024	72-24/01/2022	4.760	4.760	4.500	4.500	1.000	2.271	2.271					
3	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2023-2025	708-31/12/2021	8.817	8.817	8.800	5.005	1.000	2.100	2.100					
<b>II</b>	<b>NGUỒN THU TIỀN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>					<b>13.650</b>	<b>13.600</b>	<b>72.410</b>	<b>32.660</b>	<b>9.326</b>	<b>10.300</b>	<b>10.300</b>					
<b>II.1</b>	<b>Phân cấp xã, thị trấn</b>																
<b>II.1</b>	<b>Phân cấp quản lý đất đai</b>							<b>11.310</b>	<b>11.310</b>	<b>3.026</b>	<b>1.170</b>	<b>1.170</b>					
	Thực hiện kiểm kê đất đai, thống kê, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc và các nhiệm vụ quản lý đất đai theo phân cấp	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Huyện Đăk Tô					11.310	11.310	3.026	1.170	1.170					
<b>II.2</b>	<b>Bố trí dự án</b>					<b>13.650</b>	<b>13.600</b>	<b>61.100</b>	<b>21.350</b>	<b>6.300</b>	<b>9.130</b>	<b>9.130</b>					
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</b>					<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	<b>3.000</b>	<b>300</b>	<b>300</b>					
	Trụ sở làm việc khối Mặt trận và các đoàn thể huyện Đăk Tô; Hạng mục: Hội trường và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2023-2023	946-12/12/2022	3.500	3.500	3.500	3.500	3.000	300	300					
<b>(2)</b>	<b>Bố trí đối ứng các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia</b>							<b>47.450</b>	<b>7.750</b>	<b>1.500</b>	<b>2.850</b>	<b>2.850</b>					
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Pô Kô	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Pô Kô	2022-2024	625-03/10/2022	37.700	3.900	37.700	3.900	600	1.500	1.500			Đối ứng thực hiện CT MTQG vùng dân tộc và miền núi		
2	Trường mầm non xã Pô Kô; Hạng mục: Bếp ăn một chiều và hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Pô Kô	2023-2024	468-29/9/2023	1.350,00	1.350,00	1.350,00	1.350,00	900	350	350			Đối ứng thực hiện CT MTQG vùng dân tộc và miền núi		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2024				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương		Trong đó: NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Phát triển vùng nguyên liệu mắc ca gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng tại huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Đắk Trăm	2023-2025	670-24/11/2023	8.400	2.500	8.400	2.500		1.000	1.000			Đổi ứng thực hiện CT MTQG xây dựng NTM
(3)	<b>Các dự án chuyển tiếp sang năm 2024 thực hiện</b>					<b>3.700</b>	<b>3.700</b>	<b>3.700</b>	<b>3.700</b>	<b>1.800</b>	<b>1.700</b>	<b>1.700</b>			
	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm (Điểm trường trung tâm); Hạng mục: Nhà học 06 phòng và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	2023-2024	493-13/10/2023	3.700	3.700	3.700	3.700	1.800	1.700	1.700			
(4)	<b>Các dự án khởi công mới năm 2024</b>					<b>6.450</b>	<b>6.400</b>	<b>6.450</b>	<b>6.400</b>	<b>-</b>	<b>4.280</b>	<b>4.280</b>			
1	Trường tiểu học Lê Quý Đôn; Hạng mục: Nhà học 08 phòng và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	2024-2025	704-07/12/2023	4.900	4.900	4.900	4.900		3.250	3.250			
2	Chợ xã Diên Bình, huyện Đắk Tô	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	xã Diên Bình	2024-2025	11/12/2023	1.550	1.500	1.550	1.500		1.030	1.030			Đổi ứng thực hiện CT MTQG xây dựng NTM
<b>III</b>	<b>NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>					<b>169.233</b>	<b>48.050</b>	<b>50.950</b>	<b>45.950</b>	<b>23.431</b>	<b>18.950</b>	<b>18.950</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>III.1</b>	<b>Hỗ trợ có mục tiêu phát triển hạ tầng cụm công nghiệp</b>					<b>148.283</b>	<b>32.100</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>14.201</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>			<b>-</b>
	<b>Các dự án chuyển tiếp sang năm 2024 thực hiện</b>					<b>148.283</b>	<b>32.100</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>14.201</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>			
	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	2022-2025	383-22/7/2021	148.283	32.100	30.000	30.000	14.201	7.000	7.000			
<b>III.2</b>	<b>Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện chương trình nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư giáo dục)</b>					<b>8.950</b>	<b>5.950</b>	<b>8.950</b>	<b>5.950</b>	<b>4.230</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
(1)	<b>Các dự án chuyển tiếp sang năm 2024 thực hiện</b>					<b>6.950</b>	<b>4.050</b>	<b>6.950</b>	<b>4.050</b>	<b>4.230</b>	<b>1.450</b>	<b>1.450</b>			
1	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Văn Lem; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Văn Lem	2023-2024	944-12/12/2022	2.000	1.650	2.000	1.650	1.030	450	450			(lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)
2	Trường Mầm non Hoa Phượng, xã Kon Đào (Điểm trường trung tâm); Hạng mục: Nhà học 08 phòng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Kon Đào	2023-2024	947-12/12/2022	4.950	2.400	4.950	2.400	3.200	1.000	1.000			(lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)
(2)	<b>Các dự án khởi công mới năm 2024</b>					<b>2.000</b>	<b>1.900</b>	<b>2.000</b>	<b>1.900</b>	<b>-</b>	<b>550</b>	<b>550</b>			
1	Trường THCS Ngọc Tú; Hạng mục: Nhà học bộ môn 03 phòng các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Đắk Trăm	2023-2024	703-07/12/2023	2.000	1.900	2.000	1.900		550	550			(lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)
<b>III.4</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách của địa phương</b>					<b>12.000</b>	<b>10.000</b>	<b>12.000</b>	<b>10.000</b>	<b>5.000</b>	<b>2.500</b>	<b>2.500</b>			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2024				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số	Trong đó: NSDP					Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XD/CB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023</b>					<b>12.000</b>	<b>10.000</b>	<b>12.000</b>	<b>10.000</b>	<b>5.000</b>	<b>2.500</b>	<b>2.500</b>			
	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2022-2024	622-09/11/2021	12.000	10.000	12.000	10.000	5.000	2.500	2.500			
<b>III.5</b>	<b>Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu thực hiện quản lý đất đai</b>					-	-	-	-	-	<b>6.100</b>	<b>6.100</b>			
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chỉ thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Huyện Đăk Tô								1.800	1.800			
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Huyện Đăk Tô								4.300	4.300			(*)
<b>III.6</b>	<b>Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã</b>					<b>1.500</b>	<b>1.350</b>	-	-	-	<b>1.350</b>	<b>1.350</b>			-
	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>					<b>1.500</b>	<b>1.350</b>	-	-	-	<b>1.350</b>	<b>1.350</b>			
	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các Hợp tác xã trên địa bàn huyện	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện	Huyện Đăk Tô	2024-2024		1.500	1.350				1.350	1.350			

(\*) Chi đầu tư từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất so với dự toán tinh giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà nước

**Phụ lục 03**

**PHÂN CẤP CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số: 92 /TTr-UBND, ngày 12 /12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện )

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng số	Phân cấp từ nguồn thu sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp từ nguồn thu sử dụng đất giao tăng thêm (chi theo tiến độ thu) (*)	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.340,00</b>	<b>1.500,00</b>	<b>1.840,00</b>	
1	Thị trấn Đăk Tô	2.885,00	1.045,00	1.840,00	
2	Xã Diên Bình	200,00	200,00		
3	Xã Tân Cảnh	150,00	150,00		
4	Xã Kon Đào	100,00	100,00		
5	Xã Pô Kô	1,00	1,00		
6	Xã Ngọc Tụ	0,50	0,50		
7	Xã Đăk Rơ Nga	1,00	1,00		
8	Xã Đăk Trăm	2,00	2,00		
9	Xã Văn Lem	0,50	0,50		

**Ghi chú:**

(\*) Chi đầu tư từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất so với dự toán tính giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà nước